TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 06/08/2026
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Chất.

2. Bà Vũ Thảo Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 08 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 05 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 26/2026/QĐST – HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Lệ Q, sinh năm 1993; Căn cước công dân số 0371930013xx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/03/2024. Địa chỉ: Xóm G, xã B, tỉnh Ninh Bình. Nay là thôn C, xã B, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Ngô Kiên C, sinh năm 1989; Căn cước công dân số 0370890032xx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/05/2023. Địa chỉ: Xóm G, xã B, tỉnh Ninh Bình. Nay là thôn C, xã B, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên toà vắng mặt chị Q, anh C. Chị Q có đơn xin xét xử văng mặt, anh C vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ nguyên đơn là chị Vũ Thị Lệ Q trình bày: Chị Q và anh Ngô Kiên C có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Đăng ký kết vào ngày 20 tháng 10 năm 2015 tại UBND xã C, huyện K cũ nay là xã B, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do cuộc sống bất đồng quan điểm và điều kiện kinh tế vợ chồng, anh C thường xuyên đi làm ăn xa không có điều kiện chăm lo cho gia đình vợ con. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên hoà giải nhưng không có kết quả. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị và anh C đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay cả hai không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ nên chị Q đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống.

Về con chung, con riêng: Chị và anh C có 02 con chung là cháu Ngô Bảo L sinh ngày 28 tháng 6 năm 2016 và cháu Ngô Bảo A sinh ngày 25 tháng 02 năm 2019 hiện các cháu đang do chị Q chăm sóc nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị Q đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cháu Bảo L và cháu Bảo A cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu thành niên**.** Chị yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung là 3.000.000 đồng/cháu/tháng. Hai cháu là 6.000.000 đồng/ tháng. Về con riêng chị và anh C không có, không yêu cầu tòa án giải quyết

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và nợ riêng: Chị và anh C không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Ngô Kiên C hiện đang cư trú tại Xóm G, xã B, tỉnh Ninh Bình Nay là Nay là thôn C, xã B, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh Ngô Kiên C và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Hoàng Thị M là mẹ đẻ anh C, bà M nhận các văn bản tố tụng của Toà án và cam kết sẽ có trách nhiệm giao ngay tận tay cho anh C những văn bản tố tụng của Toà án. Bản thân anh C cũng đã biết việc chị Q khởi kiện xin ly hôn với anh nhưng anh C không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Con chung của chị Q và anh C là cháu Ngô Bảo L sinh ngày 28 tháng 6 năm 2016 và cháu Ngô Bảo A sinh ngày 25 tháng 02 năm 2019, cả hai cháu đều thuộc trường hợp Toà án phải tham khảo ý kiến của các cháu về nguyện vọng ở với ai khi bố mẹ ly hôn. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 26 tháng 6 năm 2026 nguyện vọng cả hai cháu Bảo A và Bảo L đều muốn ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và §iÒu 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Lệ Q ly hôn anh Ngô Kiên C.

- Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị Lệ Q tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng các con chung của vợ chồng là cháu Ngô Bảo L sinh ngày 28 tháng 6 năm 2016 và cháu Ngô Bảo A sinh ngày 25 tháng 02 năm 2019 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi. Anh Ngô Kiên C có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung là 3.000.000 đồng/cháu/tháng. Hai cháu là 6.000.000 đồng/ tháng. Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Vũ Thị Lệ Q nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Anh Ngô Kiên C phải nộp án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị Lệ Q có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Ngô Kiên C có nơi cư trú tại: Xóm G, xã B, tỉnh Ninh Bình. Nay là thôn C, xã B, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Vũ Thị Lệ Q và vắng mặt bị đơn anh Ngô Kiên C. Chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh C vắng mặt lần 2

không có lý do. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Lệ Q và anh Ngô Kiên C có Đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 10 năm 2015 tại UBND xã C, huyện K cũ nay là xã B, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về làm ăn sinh sống cùng gia đình anh C tại xóm G, xã C cũ, nay là thôn C, xã B, tỉnh Ninh Bình. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hoà hợp, anh C thường xuyên đi làm ăn xa nên không có điều kiện chăm sóc cho gia đình vợ con. Thực tế thì chị Q và anh C đã sống ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Khi Tòa án tiến hành các thủ tục tiếp cận công khai chứng cứ đồng thời hòa giải để anh chị có biện pháp khắc phục mâu thuẫn và tạo cơ hội cho anh chị về đoàn tụ thì anh C không tham gia hòa giải, điều đó thể hiện thái độ bỏ mặc không thiện trí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được. Như vậy hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại trên danh nghĩa và đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B thể hiện: Chị Q và anh C có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Có đăng ký kết hôn ngày ngày 20 tháng 10 năm 2015 tại UBND xã C, huyện K cũ nay là xã B, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị về làm ăn sinh sống tại cùng gia đình anh C tại xã C, nay là xã B. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, qua nắm bắt tình hình tại chính quyền cơ sở thì chị Q, anh C mâu thuẫn là do vấn đề làm ăn kinh tế điều kiện công việc anh C thường xuyên đi làm ăn xa nên vợ chồng không có sự quan tâm, thấu hiểu, thông cảm chia sẻ cùng nhau. Nay chị Q xin ly hôn anh C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung anh chị có hai con chung cháu cháu Ngô Bảo L sinh ngày 28/6/2016 và cháu Ngô Bảo A sinh ngày 25/02/2019 hiện các cháu đang ở cùng với chị Q. Do anh chị đều là lao động tự do và ở những khu vực khác nhau nên UBND xã không xác định được mức thu nhập của các bên đương sự.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh C đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau gần năm năm nay và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ

khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị Q và anh C có hai con chung là cháu Ngô Bảo L sinh ngày 28 tháng 6 năm 2016 và cháu Ngô Bảo A sinh ngày 25 tháng 02 năm 2019. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu các bên đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh mức thu nhập hàng tháng và điều kiện chăm sóc con chung cho Tòa án để làm căn cứ xác định điều kiện và khả năng chăm sóc giáo dục con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với các con sau khi ly hôn. Cả hai bên đều không cung cấp được bất cứ tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho mức thu nhập của bản thân, điều kiện nuôi dưỡng con của hai bên đương sự, như vậy điều kiện nuôi dưỡng con của hai bên đương sự là như nhau. Bị đơn cũng không có ý kiến về vấn đề giao con sau khi ly hôn. Qua tham khảo ý kiến, nguyện vọng của các con chung cả hai cháu Bảo L và Bảo A đều mong muốn ở với mẹ, thực tế thời gian anh chị sống ly thân thì cả cháu L và cháu A đều do chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nay để không làm ảnh hưởng sự phát triển bình thường của con chung khi bố mẹ ly hôn và không làm thay đổi môi trường sống, học tập của các con chung nên giao cả hai cháu Ngô Bảo L sinh ngày 28 tháng 6 năm 2016 và cháu Ngô Bảo A sinh ngày 25 tháng 02 năm 2019 cho chị Q tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên và tự lập được cuộc sống. Chị Q yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung là 3.000.000 đồng/ tháng/ cháu. Hai cháu là 6.000.000 đồng/ tháng.

Xét yêu cầu cấp dưỡng của chị Q là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật, cha mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu và người không trực tiếp nuôi con khi ly hôn có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con khi bố mẹ ly hôn. Bản thân anh C không có quan điểm đối với vấn đề giao con sau khi ly hôn, nay anh C không trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi vợ chồng ly hôn, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con chung khi bố mẹ ly hôn nay cần buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cả hai con chung là phù hợp với với điều 82, 83 Luật Hôn nhân nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự, đồng thời đảm bảo quyền lợi của các con chung trong vụ án hôn nhân gia đình.

Về con riêng: chị Q và anh C không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Q và anh C không có tài sản chung và công nợ nên nay ly hôn chị Q không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 144, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Vũ Thị Lệ Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Ngô Kiên C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Lệ Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị Lệ Q và anh Ngô Kiên C. (Quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh C1 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị Lệ Q tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các con chung của vợ chồng cháu Ngô Bảo L sinh ngày 28 tháng 6 năm 2016 và cháu Ngô Bảo A sinh ngày 25 tháng 02 năm 2019 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các con chung thành niên đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Ngô Kiên C có nghĩa vụ vụ cấp dưỡng đối với hai con chung là 3.000.000 đồng/tháng/cháu. Hai cháu là 6.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 09 năm 2026 cho đến khi các con chung thành niên đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Ngô Kiên C có quyền đi lại thăm nom con chung.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày chị Vũ Thị Lệ Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Ngô Kiên C không thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo quy định thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự

3. Về con riêng: Chị Q và anh C không có con riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Q và anh C không có tài sản chung và công nợ chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Vũ Thị Lệ Q phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3324 ngày 29 tháng 04 năm 2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình.

Anh Ngô Kiên C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ đề sung ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình.
- Phòng THADS khu vực 4 – Ninh Bình.
- UBND xã C, tỉnh Ninh Bình.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Khanh